**ĐỀ CƯƠNG HỌC KÌ 1 MÔN ĐỊA LÍ KHỐI 10**

**BÀI 12: KHÍ ÁP**

**Câu 1: Hệ thống các đai khí áp trên Trái đất gồm:**

A. Đai áp cao xích đạo, 2 đai áp thấp cận nhiệt đới, 2 đai áp cao ôn đới, 2 đai áp thấp cực.

B. Đai áp thấp xích đạo, 2 đai áp cao cận nhiệt đới, 2 đai áp thấp ôn đới, 2 đai áp cao cực.

C. Đai áp cao xích đạo, 2 đai áp cao cận nhiệt đới, 2 đai áp thấp ôn đới, 2 đai áp thấp cực.

D. Đai áp thấp xích đạo, 2 đai áp thấp cận nhiệt đới, 2 đai áp cao ôn đới, 2 đai áp cao cực.

**Câu 2: Trên trái đất các đai áp cao và áp thấp phân bố như sau:**

A. Các đai áp cao nằm ở bán cầu bắc, các đai áp thấp nằm ở bán cầu Nam.

B. Các đai áp thấp nằm ở bán cầu bắc, các đai áp cao nằm ở bán cầu Nam.

C. Các đai áp cao và áp thấp nằm xen kẽ và đối xứng qua đai áp thấp xích đạo.

D. Các đai áp cao và áp thấp nằm xen kẽ và đối xứng qua đường xích đạo.

**Câu 3: Trong thực tế các đai khí áp không liên tục mà bị chia cắt thành từng khu khi áp riêng biệt, nguyên nhân chủ yếu là do:**

A. Sự phân bố xen kẽ giữa lục địa và đại dương.

B. Bị địa hình bề mặt trái đất chia cắt.

C. Diện tích của các lục địa và các đại dương không đều nhau.

D. Tác động của các loại gió thổi trên bề mặt trái đất.

**Câu 4: Càng lên cao khí áp càng giảm, nguyên nhân là do khi lên cao:**

A. Lớp không khí càng mỏng nên sức nén giảm khiến khí áp giảm.

B. Không khí càng bốc lên nên nhẹ hơn khiến khí áp giảm.

C. Gió thổi càng mạnh đẩy không khí lên khiến khí áp giảm.

D. Không khí càng loãng sức nén càng nhỏ khiến khí áp giảm.

**Câu 5: Nhận định nào dưới đây là đúng:**

A. Khí áp tăng làm cho nhiệt độ không khí tăng.

B. Khí áp tăng làm cho nhiệt độ không khí giảm.

C. Nhiệt độ không khí tăng làm cho khí áp tăng.

D. Nhiệt độ không khí tăng làm cho khí áp giảm.

**Câu 6: Nhận định nào dưới đây là ĐÚNG:**

A. Nhiệt độ tăng, khí áp tăng.

B. Tăng dần về độ cao thì khí áp cũng tăng.

C. Nhiệt độ tăng, khí áp sẽ giảm.

D. Giữa khí áp và độ ẩm không khí không có mối quan hệ nào.

**Câu 7: Gió tây ôn đới là loại gió:**

A. Thổi từ miền ôn đới tới miền nhiệt đới.

B. Thổi từ miền ôn đới lên miền cực.

C. Thổi từ áp cao cận nhiệt đới về phía áp thấp ôn đới.

D. Thổi từ áp cao cực về phía áp thấp ôn đới.

**Câu 8: Gió Mậu Dịch là loại gió:**

A. Thổi từ xích đạo về khu vực cận nhiệt đới.

B. Thổi từ các khu áp cao cận nhiệt đới về phía áp thấp ôn đới.

C. Thổi từ khu vực ôn đới về khu vực cận nhiệt đới.

D. Thổi từ các khu vực áp cao cận nhiệt đới về xích đạo.

**Câu 9: Gió Mậu Dịch có hướng:**

A. Tây bắc ở bán cầu Bắc, tây nam ở bán cầu Nam.

B. Đông bắc ở bán cầu Bắc, đông nam ở bán cầu Nam.

C. Tây nam ở bán cầu Bắc, đông Bắc ở bán cầu Nam.

D. Đông nam ở bán cầu Bắc, đông bắc ở bán cầu Nam.

**Câu 10: Gió mùa là:**

A. Loại gió thổi vào mùa hạ theo hướng tây nam tính chất gió nóng ẩm.

B. Loại gió thổi vào mùa đông theo hướng Đông Bắc tính chất gió lạnh khô.

C. Loại gió thổi theo mùa hướng và tính chất gió ở hai mùa trái ngược nhau.

D. Loại gió thổi quanh năm hướng và tính chất gió hầu như không thay đổi.

**Câu 11: Nguyên nhân chủ yếu hình thành gió mùa là:**

A. Sự chênh lệch khí áp giữa xích đạo và vùng cận chí tuyến.

B. Sự chênh lệch khí áp giữa vùng các chí tuyến và vùng ôn đới.

C. Sự chênh lệch khí áp giữa bán cầu bắc và bán cầu Nam theo mùa.

D. Sự chênh lệch khí áp giữa lục địa và đại dương theo mùa.

**Câu 12: Hướng gió mùa ở nước ta là:**

A. Mùa hạ hướng tây nam (hoặc đông nam), mùa đông hướng đông bắc.

B. Mùa hạ hướng tây bắc, mùa đông hướng đông bắc.

C. Mùa hạ hướng tây nam, mùa đông hướng đông nam.

D. Mùa hạ hướng tây nam hoặc đông bắc, mùa đông hướng đông bắc hoặc tây nam.

**Câu 13: Gió biển và gió đất là loại gió:**

A. Hình thành ở vùng ven biển, thường xuyên thổi từ biển vào đất liền.

B. Hình thành ở vùng ven biển, thường xuyên thổi từ đất liền ra biển.

C. Hình thành ở vùng ven biển, hướng gió thay đổi hướng ngày và đêm.

D. Hình thành ở vùng ven biển, hướng gió thay đổi theo mùa trong năm.

**Câu 14: Gió đất có đặc điểm:**

A. Thổi từ đất liền ra biển, vào ban đêm.

B. Thổi từ biển tới đất liền, vào ban đêm.

C. Thổi từ đất liền ra biển, vào ban ngày.

D. Thổi từ biển tới đất liền, vào ban ngày.

**Câu 15: Gió biển là loại gió:**

A. Thổi từ đất liền ra biển, vào ban đêm.

B. Thổi từ biển tới đất liền, vào ban đêm.

C. Thổi từ đất liền ra biển, vào ban ngày.

D. Thổi từ biển tới đất liền, vào ban ngày**.**

**Câu 16: Theo tiêu chuẩn không khí cứ lên cao 100m, nhiệt độ sẽ:**

A. Tăng 0,6 độ C.   B. Giảm 0,6 độ C.   C. Tăng 6 độ C.   D. Giảm 6 độ C.

**Câu 17: Gió fơn khô nóng thổi vào mùa hạ ở vùng Bắc Trung bộ nước ta có hướng:**

A. Tây nam.   B. Đông nam.   C. Tây bắc.   D. Đông bắc.

**Câu 18: Gió phơn ảnh hưởng mạnh nhất đến vùng nào ở nước ta:**

A. Đông Bắc. B. Bắc Trung Bộ.

C. Tây Bắc. D. Tây Nguyên.

**Câu 19: Tính chất của gió biển là:**

A. Ẩm, mát B. Khô, nóng.

C. Nóng, ẩm. D. Khô, lạnh.

**Câu 20: Loại gió khô nóng thổi từ trên cao xuống thấp theo các sườn núi khuất gió gọi là:**

A. Gió núi B. Gió thung lũng.

C. Gió Phơn.D. Gió đất.

**Câu 21: Nhận định nào dưới đây đúng nhất:**

A. Nhiệt độ càng tăng, khí áp càng tăng.

B. Gió thường xuất phát từ các áp cao về áp thấp.

C. Các đai khí áp phân bố liên tục theo các đường vĩ tuyến.

D. Không khí chứa nhiều hơi nước thì khí áp tăng.

**BÀI 13: MƯA**

**Câu 1: Vì sao xích đạo là khu vực có mưa nhiều nhất trên Trái Đất:**

A. Là khu áp thấp , không khí liên tục bốc lên cao hình thành mây gây mưa.

B. Tỉ lệ diện tích đại dương so với diện tích lục địa lớn.

C. Là nơi thường xuyên chịu tác động của frông, có nhiều dòng biển nóng.

D. Là nơi có diện tích rừng, mặt biển và sông, hồ lớn nhất thế giới.

**Câu 2: Khu vực chịu ảnh hưởng của gió mùa thường có lượng mưa lớn vì:**

A. Gió mùa mùa Đông thường đem mưa đến.

B. Gió mùa mùa hạ thổi từ biển vào thường xuyên đem mưa đến.

C. Cả gió mùa mùa hạ và gió mùa mùa Đông đều đem mưa lớn đến.

D. Thường xuyên chịu ảnh hưởng của áp thấp.

**Câu 3:  Những nhân tố tự nhiên ảnh hưởng đến lượng mưa không có nhân tố nào sau đây:**

A. Khí áp, Frong. B. Gió, dòng biển.

C. Địa hình D. Con người.

**Câu 4: Vùng có lượng mưa thấp nhất là ở:**

A.Xích đạo. B. Chí tuyến.

C. Cực.D. Ôn đới.

**Câu 5: Ở trong vùng nội địa, xa đại dương có đặc điểm tự nhiên nào sau đây:**

A. Có mưa rất lớn. B. Có mưa lớn nhưng theo mùa.

C. Rất ít mưa hoặc không có mưa. D. Mưa tương đối nhiều.

**Câu 6: Khu vực vị trí gần biển và dòng biển nóng chảy qua có:**

A. Lượng mưa ít. B. Lượng mưa nhiều.

C. Khí hậu khô hạn. D. Khí hậu lạnh, khô.

**Câu 7: Miền có frong hoặc dải hội tụ nhiệt đới đi qua thường:**

A. Có nhiều vùng khí áp phức tạp. B. Ít mưa, không khí khô, nóng.

C. Có nhiều thiên tai. D. Có nhiều mưa.

**Câu 8: Trên bề mặt Trái Đất nơi có lượng mưa nhiều nhất tập trung ở:**

A. Vùng xích đạo.B. Vùng chí tuyến.

C. Vùng ôn đới. D. Vùng cực.

**Câu 9: Mưa ở những khu vực nằm sâu trong lục địa chủ yếu có nguồn gốc:**

A. Từ đại dương do gió thổi đến. B. Từ nước ngầm bốc lên.

C. Từ hồ ao, rừng cây… bốc lên.D. Từ các vùng ven biển.

**Câu 10. Trên những sườn núi cao đón gió, càng lên cao lượng mưa trong năm càng lớn, nhưng đến một độ cao nhất định độ ẩm giảm nên:**

A. Lượng mưa trong năm lại ít.

B. Lượng mưa trong năm tăng mạnh.

C. Có nhiệt độ thấp, khí áp cao và ít mưa.

D. Không có hiện tượng mưa nữa.

**Câu 11: Cùng một dãy núi thì:**

A. Sườn núi đón gió ít mưa, sườn khuất gió nhiều mưa.

B. Sườn núi đón gió nhiều mưa, sườn khuất gió ít mưa.

C. Sườn núi đón gió sẽ có gió thổi đến, sườn khuất gió sẽ có gió thổi đi.

D. Có gió thổi liên tục.

**Câu 12: Ở sườn núi cao hoặc đỉnh núi cao thường:**

A. Ẩm ướt, nhiều mưa. B. Khô ráo.

C. Nhiệt độ cao. D. Không có mưa vì xa biển.

**BÀI 15: THỦY QUYỂN**

**Câu 1: Thủy quyển là lớp nước trên trái đất , bao gồm:**

A. Nước trong các biển và đại dương, nước trên lục địa, nước trong lòng trái đất.

B. Nước trong các biển và đại dương, nước trên lục địa, hơi nước trong khí quyển…

C. Nước trên lục địa, nước trong lòng trái đất, hơi nước trong khí quyển.

D. Nước trong các biển và đại dương, nước trên lục địa.

**Câu 2: Sông ngòi ở khí hậu nào có đặc điểm "nhiều nước quanh năm ":**

A. Khí hậu nhiệt đới gió mùa. B. Khí hậu ôn đới núi cao.

C. Khí hậu ôn đới lục địa D. Khí hậu xích đạo.

**Câu 3: Sông ngòi ở khí hậu nào dưới đây có đặc điểm "sông có lũ vào mùa xuân":**

A. Khí hậu ôn đới lục địa.B. Khí hậu cận nhiệt lục địa.

C. Khí hậu nhiệt đới lục địa. D. Khí hậu nhiệt đới lục địa.

**Câu 4: Mực nước lũ của các sông ngòi ở miền Trung nước ta thường lên rất nhanh do:**

A. Sông lớn, lòng sông rộng. Sông có nhiều phụ lưu cung cấp nước cho dòng sông chính.

B. Sông nhỏ, dốc, nhiều thác ghềnh.

C. Sông ngắn, dốc, lượng mưa lớn, tập trung trong thời gian ngắn.

D. Sông lớn, lượng mưa lớn kéo dài trong nhiều ngày.

**Câu 5: Ở nước ta, nhân tố tự nhiên có ảnh hưởng rõ rệt nhất tới chế độ nước của sông là:**

A. Chế độ mưa. B. Địa hình.

C. Thực vật. D. Hồ, đầm.

**Câu 6: Sông Nin ( sông dài nhất thế giới ) nằm ở:**

A. Châu Âu.    B. Châu Á.    C. Châu Phi.    D. Bắc Mĩ.

**Câu 7: Việc phá hoại rừng phòng hộ ở thượng nguồn sông sẽ dẫn tới hậu quả:**

A. Mực nước sông quanh năm thấp, sông chảy chậm chạp.

B. Mực nước sông quanh năm cao, sông chảy siết.

C. Mùa lũ nước sông dâng cao đột ngột, mùa cạn mực nước cạn kiệt.

D. Sông hầu như không còn nước, chảy quanh co uốn khúc.

**Câu 8: Nhân tố nào sau đây không có vai trò điều hòa chế độ nước sông:**

A. Nước ngầm. B. Thực vật.

C. Các dòng biển.D. Hồ, đầm.

**Câu 9. Hiện tượng mùa lũ nước sông dâng cao đột ngột, còn mùa cạn mực nước sông cạn kiệt là hậu quả của việc:**

A. Phá hoại rừng phòng hộ ở thượng nguồn sông.

B. Phá hoại rừng không có kế hoạch.

C. Ngăn sông làm thủy điện.

D. Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến sông ngòi.

**Câu 10. Ở miền ôn đới lạnh nguồn cung cấp nước cho sống chủ yếu là do:**

A. Mưa. B. Băng tuyết.

C. Nước ngầm. D. Nước ao, hồ.

**Câu 11: Miền khí hậu nóng hoặc nơi địa hình thấp của khí hậu ôn đới, thủy chế sông phụ thuộc chủ yếu vào:**

A. Chế độ mưa. B. Băng tuyết tan.

C. Nước ngầm. D. Nước trong các ao, hồ.

**Câu 12. Nước từ đại dương bốc hơi được gió đưa vào lục địa gây mưa rơi xuống thành các dạng nước rồi đổ ra đại dương, hiện tượng đó là:**

A. Vòng tuần hoàn. B. Vòng tuần hoàn nhỏ của nước.

C. Vòng tuần hoàn lớn của nước. D. Vòng tuần hoàn của nước.

**Câu 13. Ở miền núi, nước sông có xu hướng:**

A. Chảy nhanh hơn vùng đồng bằng.B. Chảy liên tục.

C. Nước lên rất nhanh và quanh năm nhiều nước. D. Đóng băng quanh năm.

**Câu 14. Năng lượng Mặt Trời là nguồn cùng cấp năng lượng chính cho vòng tuần hoàn nào dưới đây:**

A. Vòng tuần hoàn của nước. B. Vòng tuần hoàn của sinh vật.

C. Vòng tuần hoàn của thổ nhưỡng. D. Vòng tuần hoàn địa chất.

**Câu 15: Khái niệm “…là lớp nước trên TĐ bao gồm nước trong biển, dại dương, lục địa và hơi nước trong khí quyển” là để nói về:**

A. Khí quyển. B. Thủy quyển.

C. Thổ nhưỡng quyển. D. Sinh quyển

**BÀI 16: SÓNG, THỦY TRIỀU, DÒNG BIỂN**

**Câu 1: Sóng biển chính là:**

A. Hình thức dao động của nước biển theo chiều thẳng đứng.

B. Sự chuyển động của nước biển từ ngoai khơi xô vào bờ.

C. Hình thức dao động của nước biển theo chiều ngang.

D. Sự di chuyển của các biển theo các hướng khác nhau

**Câu 2: Nguyên nhân chủ yếu tạo nên sóng biển là:**

A. Các dông biển. B. Gió thổi.

C. Động đất, núi lửa D. Hoạt động của tàu bè, khai thác dầu ngoai khơi,

**Câu 3: Thủy triều được hình thành do:**

A. Sức hút của thiên thể trong hệ mặt trời, chủ yếu là sức hút của mặt trời.

B. Sức hút của mặt trời và mặt trăng, trong đó sức hút của mặt trời là chủ yếu.

C. Sức hút của mặt trời và mặt trăng, trong đó sức hút của mặt trăng là chủ yếu.

D. Sức hút của các thiên thể trong hệ mặt trời, chủ yếu là sức hút của các hành tinh.

**Câu 4: Dao động thủy triều lớn nhất khi:**

A. Mặt Trăng, Trái Đất, Mặt Trời tạo thành một góc vuông.

B. Mặt Trăng, Trái Đất, Mặt Trời tạo thành một góc 45o.

C. Mặt Trăng, Trái Đất nhận ánh sáng từ Mặt Trời.

D. Mặt Trăng, Trái Đất, Mặt Trời nằm thẳng hàng.

**Câu 5: Dao động thủy triều nhỏ nhất khi:**

A. Mặt Trăng, Trái Đất, Mặt Trời tạo thành một góc 120o.

B. Mặt Trăng, Trái Đất, Mặt Trời tạo thành một góc 45o.

C. Mặt Trăng, Trái Đất, Mặt Trời vuông góc

D. Mặt Trăng, Trái Đất, Mặt Trời nằm thẳng hàng.

**Câu 6: Dòng biển nóng là các dòng biển:**

A. Có nhiệt độ cao hơn nhiệt độ của khối nước xung quanh.

B. Có nhiệt độ nước cao hơn 0oC.

C. Có nhiệt độ nước cao hơn 30oC.

D. Chảy vào mùa hạ.

**Câu 7: Dòng biển lạnh là dòng biển:**

A. Có nhiệt độ nước thấp hơn nhiệt độ của các dòng biển nóng.

B. Có nhiệt độ nước thấp hơn nhiệt độ của khối nước xung quanh.

C. Có nhiệt độ nước thấp hơn 0oC.

D. Chảy vào mùa đông .

**Câu 8. Tại sao Nhật Bản luôn chịu ảnh hưởng của động đất, núi lửa và sóng thần:**

A. Nhật Bản nằm trong vành đai sinh khoáng Thái Bình Dương.

B. Nhật Bản nằm trên vành đai lửa Thái Bình Dương.

C. Nhật Bản nằm trên nằm trên vành đai sinh khoáng Địa Trung Hải.

D. Nhật Bản nằm trên đường di lưu, di cư của nhiều loài sinh vật.

**Câu 9: Trong lịch sử đấu tranh chống ngoại xâm, Ngô Quyền đã đánh thắng quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng nhờ lợi dụng hiện tượng nào sau đây:**

A. Sóng biển. B. Dòng biển.

C. Thủy triều.D. Lũ lụt.

**Câu 10. Nguyên nhân chủ yếu gây nên sóng thần là:**

A. Động đất dưới đáy biển.B. Núi lửa phun dưới đáy biển.

C. Bão lớn. D. Gió mạnh.

**Câu 11. Sóng thần có đặc điểm nào dưới đây:**

A. Thường có chiều cao 5 - 10m, truyền theo chiều ngang với tốc độ 400 - 800km/h.

B. Thường có chiều cao 10 - 20m, truyền theo chiều ngang với tốc độ 200 - 400km/h.

C. Thường có chiều cao 20 - 30m, truyền theo chiều ngang với tốc độ 300 - 600km/h.

D. Thường có chiều cao 20 - 40m, truyền theo chiều ngang với tốc độ 400 - 800km/h.

**Câu 12. Sức hút của mặt trời và mặt trăng là nguyên nhân chủ yếu là nguyên nhân hình thành:**

A. Sóng biển. B. Thủy triều.

C. Sóng ngầm. D. Dòng biển.

**Câu 13: Nguyên nhân hình thành thủy triều là do:**

A. Sức hút của Mặt Trăng và Mặt Trời lên Trái Đất.

B. Trọng lực của Trái Đất.

C. Sóng ngầm dưới đáy đại dương.

D. Gió biển.

**Câu 14. Các dòng biển nóng thường có hướng chảy:**

A. Từ vĩ độ cao về vĩ độ thấp B. Từ vĩ độ thấp về vĩ độ cao.

C. Bắc – Nam. D. Nam – Bắc.

**Câu 15. Đặc điểm nào sau đây đúng nhất với các dòng biển:**

A. Các dòng biển nóng, lạnh đối xứng nhau qua các lục địa và đảo.

B. Ở vĩ độ thấp Nam bán cầu hướng chảy của các vòng hoàn lưu cùng chiều kim đồng hồ.

C. Dòng biển nóng, lạnh khó hợp lại thành vòng hoàn lưu ở mỗi bán cầu.

D. Vùng có gió mùa, dòng biển đổi chiều theo mùa.

**BÀI 18: SINH QUYỂN**

**Câu 1: Giới hạn phía dưới của sinh quyển là:**

A. Tới thềm lục địa (ở đại dương) và hết lớp vỏ lục địa.

B. Tới thềm lục địa (ở đại dương) và hết lớp vỏ phong hóa (trên lục địa)

C. Tới đáy đại dương và kết hợp vỏ phong hóa (trên lục địa)

D. Tới đáy đại dương và hết lớp vỏ lục địa.

**Câu 2: Khí hậu ảnh hưởng trực tiếp tới sự phát triển và phân bố của sinh vật, chủ yếu thông qua các yếu tố:**

A. Gió, nhiệt độ, nước, ánh sáng.

B. Nhiệt độ, nước, độ ẩm không khí, ánh sáng.

C. Khí áp, nước, độ ẩm không khí, ánh sáng.

D. Khí áp, gió, nhiệt độ, nước, ánh sáng.

**Câu 3: Trong những nhân tố tự nhiên, nhân tố quyết định sự phát triển và phân bố của sinh vật là:**

A. Khí hậu B. Đất

C. Địa hình D. Bản thân sinh vật.

**Câu 4: Thực vật có ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố động vật chủ yếu do:**

A. Thực vật là nguồn cung cấp thức ăn cho nhiều loài động vật

B. Thực vật là nơi trú ngụ của nhiều loài động vật

C. Sự phát triển thực vật làm thay đổi môi trường sống của động vật.

D. Sự phát tán một số loài thực vật mang theo một số loài động vật nhỏ.

**Câu 5: Ảnh hưởng rõ rệt nhất của con người đối với sự phân bố sinh vật thể hiện ở việc:**

A. Mở rộng thu hẹp diện tích rừng trên bề mặt trái đất.

B. Di chuyển giống cây trồng, vật nuôi từ nơi này tới nơi khác.

C. Làm tuyệt chủng một số loài động vật, thực vật.

D. Tạo ra một số loài động, thực vật mới trong quá trình lai tạo.

**Câu 6. Yếu tố nào dưới đây của địa hình ảnh hưởng đến sự phân bố và phát triển của thực vật ở vùng núi:**

A. Độ dốc địa hình. B. Độ cao địa hình.

C. Bề mặt địa hình. D. Hướng các dãy núi.

**Câu 7. Ánh sáng là yếu tố quyết định tới quá trình nào dưới đây của cây xanh:**

A. Quá trình sinh trưởng. B. Quá trình hấp thụ.

C. Quá trình quang hợp.D. Quá trình phát triển.

**Câu 8. Toàn bộ các loại thực vật khác nhau sinh sống trên một vùng rộng lớn được gọi là:**

A. Hệ thực vật. B. Nguồn nước.

C. Thảm thực vật.D. Rừng.

**Câu 9. Những hoạt động của con người tác động đến sự hình thành đất:**

A. Sản xuất nông nghiệp.B. Hoạt động sản xuất của nhà máy.

C. Hoạt động giao thông vận tải. D. Các hoạt động vui chơi, giải trí

**Câu 10. Phân bố của các thảm thực vật trên Trái Đất thể hiện rõ ở sự thay đổi theo:**

A. Độ cao và hướng sườn của địa hình.

B. Vị trí gần hay xa đại dương.

C. Vĩ độ và độ cao địa hình.

D. Các dạng địa hình (đồi núi, cao nguyên,...).

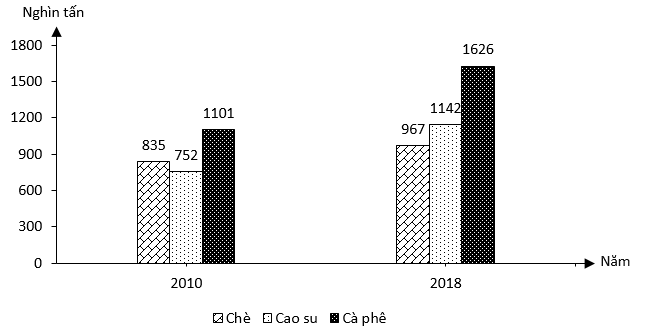
**Câu 11. Một số động vật bị suy giảm do hoạt động nào dưới đây của con người:**

A. Khai thác khoáng sản. B. Mở đường giao thông.

C. Thâm canh lúa nước. D. Khai thác rừng bừa bãi.

**PHẦN THỰC HÀNH**

**Câu 1: Biểu đồ dưới đây được gọi là biểu đồ:**



A. Biểu đồ đường. B. Biểu đồ tròn.

C. Biểu đồ cột. D. Biểu đồ kết hợp.

**Câu 2: Năm 2020, số dân Việt Nam đạt khoảng 98 triệu người, diện tích là 331212 km2. Hãy cho biết mật độ dân số nước ta là….người/km2:**

A. 269 người/km2. B. 269 người.

C. 296 người/km2. D. 296 người.

**Câu 3: Năm 2019 “ tỷ số giới tính khi sinh trên cả nước là 108/100” điều này có ý nghĩa:**

A. Cứ 100 bé trai thì có 108 bé gái.

B. Cứ 108 bé trai thì có 100 bé gái.

C. Sự chênh lệch số bé gái và bé trai qua các năm.

D. Cho biết tỉ lệ giới tính của nước ta ở các thành phố lớn.

**Câu 4: Năm 2019, dân số đạt 97,3 triệu người. Cho rằng tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên là 1,1%. Vậy đến năm 2020 dân số sẽ:**

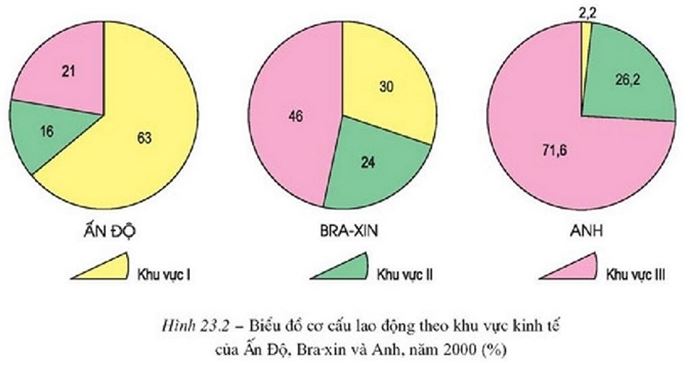
A. Tăng thêm 1,07 triệu người. B. Giảm 1,07 triệu người.

C. Tăng thêm 10,7 triệu người. D. Giảm 10,7 triệu người.

**Câu 5: Dân số thế giới, ước tính, ở thời điểm ngày 10/5/2021 là 7,86 tỷ người, thời gian dân số tăng thêm 1 tỉ người những năm gần đây chỉ cần 12 năm. Hỏi, để tăng lên 8,86 tỉ người sẽ là năm:**

A. 2022 B. 2033. C. 2044. D. 2055.

**Câu 6: Cho biểu đồ dưới đây Biểu đồ thể hiện “Cơ cấu lao động theo khu vực kinh tế của các nước là loại biểu đồ”:**



A. Biểu đồ đường. B. Biểu đồ tròn.

C. Biểu đồ cột. D. Biểu đồ kết hợp.